

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày: 21-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ất;

Bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 22/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/HSST-QĐ ngày 06/5/2019 đối với bị cáo Trịnh Văn T (tên gọi khác: L), sinh năm 1975 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T1 và bà Phạm Thị V; có vợ là chị Trần Thị C, sinh năm 1968 và 01 con sinh năm 2001;

Tiền sự : Không; Tiền án: 05 tiền án:

Năm 1998 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 73/1999/HS-PT ngày 14/01/1999 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù, ngày 16/12/2016 chấp hành xong hình phạt;

Năm 2002 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2002/HS-ST ngày 20/11/2002 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù, chấp hành xong hình phạt;

Năm 2005 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2005/HS-ST ngày 16/9/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù, chấp hành xong hình phạt và án phí;

Năm 2009 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2010/HS-ST ngày 21/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù, chấp hành xong hình phạt và án phí;

Năm 2012 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 03/2013/HS-ST ngày 15/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 năm tù, chấp hành xong hình phạt và án phí;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2019 - Có mặt.

- *Bị hại*: Anh Đặng Văn S, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 28/12/2018, T đi bộ một mình từ nhà nghỉ Phương Dung thuộc tổ dân phố 10, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông đến nhà trọ Hoàng Hà thuộc tổ dân phố 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông để lấy đồ cá nhân (*T từng thuê trọ tại đây*). Đến nơi T phát hiện một chiếc xe ô tô màu đỏ, loại 04 chỗ, BKS: 47D-005.31 của anh Đặng Văn S (*SN 1985*) trú tại: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Lợi dụng đêm khuya không có người qua lại nên T nảy sinh ý định cạy cửa kính xe để tìm tài sản trộm cắp. T lại gần và lấy một chiếc tuốc nơ vít chuẩn bị sẵn để cạy cánh cửa xe bên phụ. Sau khi cạy được cửa, T vào trong xe lục tìm được số tiền 4.500.000 đồng, 01 túi xách màu đen, 01 chiếc ví da nam, 02 chứng minh nhân dân, 01 cuốn sổ tay, 01 cuốn sổ biên lai thu tiền phạt (*Tất cả đều là tài sản, tài liệu của anh S*). Sau đó, T đi bộ về lại nhà nghỉ Phương Dung, trên đường đi Trọng vứt túi xách và tuốc nơ vít tại đường Phạm Ngọc Thạch đoạn gần quán Karaoke Viễn Đông thuộc tổ dân phố 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông còn những tài sản khác T đem về nhà nghỉ cất giấu. Toàn bộ số tiền trộm cắp được T tiêu xài cá nhân hết.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:**

- 01 (*Một*) chiếc ví da nam nhãn hiệu Tisdeny, kích thước (08x20) cm.

- 02 (*Hai*) chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn S.

- 01 (*Một*) cuốn biên lai thu tiền phạt, mẫu CTT45, Seri: KL/2014, quyển số 0301.

- 01 (*Một*) cuốn sổ tay, có bìa màu đen, nhãn hiệu ADMIRE.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1/KL – HĐĐG ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông kết luận: Giá trị chiếc ví da nam là 60.000 đồng, chiếc túi xách màu đen là 60.000 đồng.

*** Xử lý vật chứng:**

Thấy không cần thiết tạm giữ nên ngày 10/2/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ra quyết định xử lý vật chứng số 180 trả lại 01 chiếc ví da nam, 02 chứng minh nhân dân, 01 cuốn biên lai thu tiền phạt, 01 cuốn sổ tay (*Có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ*) cho anh Đặng Văn S là chủ sở hữu hợp pháp.

* **Phần dân sự**: Sau khi nhận lại đồ vật, tài liệu anh Đặng Văn S yêu cầu Trịnh Văn T phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CTr-VKS ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Trịnh Văn T theo các điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”; sau khi phân tích hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do Trịnh Văn T hiện tại chưa có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận ngày 10/2/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ra quyết định xử lý vật chứng số 180 trả lại 01 chiếc ví da nam, 02 chứng minh nhân dân, 01 cuốn biên lai thu tiền phạt, 01 cuốn sổ tay (*Có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ*) cho anh Đặng Văn S là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 chiếc túi xách màu đen và 01 chiếc tuốc nơ vít, quá trình giải quyết Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đặng Văn S số tiền 4.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại anh Đặng Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh S đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng anh S không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp lưu trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 01 giờ ngày 28/12/2018 Trịnh Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng, 01 túi xách màu đen, 01 chiếc ví da nam, 02 chứng minh nhân dân, 01 cuốn sổ tay, 01 cuốn sổ biên lai thu tiền phạt của anh Đặng Văn S.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1/KL – HĐĐG ngày 10/01/2019, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông kết luận: Giá trị chiếc ví da nam là 60.000 đồng, chiếc túi xách màu đen là 60.000 đồng.

Bị cáo Trịnh Văn T đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung theo điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là “*Có tính chất chuyên nghiệp*”.

Bị cáo phạm tội trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự nên bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

...

g) Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Xét hành vi của bị cáo Trịnh Văn T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị của địa phương nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trịnh Văn T mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trịnh Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Tại phiên tòa, qua phần tranh luận, xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do Trịnh Văn T hiện tại chưa có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[8] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận ngày 10/2/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ra quyết định xử lý vật chứng số 180 trả lại 01 chiếc ví da nam, 02 chứng minh nhân dân, 01 cuốn biên lai thu tiền phạt, 01 cuốn sổ tay (*Có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ*) cho anh Đặng Văn S là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 chiếc túi xách màu đen và 01 chiếc tuốc nơ vít, quá trình giải quyết Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Anh Đặng Văn S yêu cầu bị cáo Trịnh Văn T phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo Trọng cũng thừa nhận nên cần buộc Trịnh Văn T phải bồi thường cho anh Đặng Văn S số tiền 4.500.000 đồng là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T (Tên gọi khác: L) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/01/2019).

2. **Về bồi thường thiệt hại:** Buộc Trịnh Văn T phải bồi thường cho anh Đặng Văn Sơn số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Đặng Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà Trịnh Văn T không trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số nợ chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả nợ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. **Việc xử lý vật chứng:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận ngày 10/2/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ra quyết định xử lý vật chứng số 180 trả lại 01 chiếc ví da nam, 02

chứng minh nhân dân, 01 cuốn biên lai thu tiền phạt, 01 cuốn sổ tay (*Có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ*) cho anh Đặng Văn S là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc Trịnh Văn T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trịnh Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại anh Đặng Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA. thị xã Gia Nghĩa;
- Công an thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Quy